

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 02 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Trụ sở: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàng Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tham gia tố tụng tại Tòa án: Chi Đoàn Thúy Vân. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 30, đường Tr, khóm 6, phường 5, thành phố CM, tỉnh CM

Chị Quách Ngọc N, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 50/17A, đường V, khóm 6, phường 5, thành phố CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đoàn Thúy Vân - đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Giữa Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi là Ngân hàng) và anh Phạm Thanh T và chị Quách Ngọc N tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Ngày 28/6/2018, Ngân hàng và anh T, chị N ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD93020180444, theo đó, Ngân hàng cho anh T, chị N vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất tiền vay: 13%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định Ngân hàng, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ lãi, gốc hàng tháng.

Trong quá trình vay, anh T, chị N đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc: 141.678.000 đồng, nợ lãi: 67.412.624 đồng. Từ ngày 10/5/2021 anh T chị N ngưng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến ngày 07/6/2021, anh T, chị N tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 3.524.809 đồng. Tính đến ngày 25/02/2022 anh T, chị N còn nợ Ngân hàng đối với hợp đồng này là 120.359.460 đồng, trong đó nợ gốc: 108.322.000 đồng, nợ lãi: 12.037.460 đồng (lãi trong hạn: 8.940.408 đồng, lãi quá hạn: 3.097.052 đồng).

Hợp đồng tín dụng thứ hai: Ngày 15/01/2020 giữa Ngân hàng và anh T, chị N tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD930202000063, theo đó, Ngân hàng cho anh T, chị N vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 12 tháng, lãi suất thấu chi: 14%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định Ngân hàng, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc, lãi: nợ gốc được tự động trả ngay khi tài khoản thanh toán của khách hàng phát sinh giao dịch ghi có. Đối với nợ lãi tự động hạch toán thu nợ lãi và phí phát sinh (nếu có) vào ngày cuối tháng.

Trong quá trình vay, anh T, chị N đã thanh toán cho Ngân hàng 36.694.903 đồng. Từ ngày 13/02/2021 anh T chị N ngưng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/02/2022 anh T, chị N còn nợ Ngân hàng đối với hợp đồng này là 4.878.048 đồng, trong đó nợ gốc: 4.076.903 đồng, nợ lãi: 801.145 đồng (lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 801.145 đồng).

Đối với hợp đồng này, tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu anh T, chị N cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu chị N thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng này.

Hợp đồng tín dụng thứ ba: Ngày 13/02/2020 giữa Ngân hàng và anh T, chị N tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD930202000134, theo đó, Ngân hàng cho anh T, chị N vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất tiền vay: 12%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định Ngân hàng, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc, lãi: nợ gốc trả cuối kỳ, trả lãi theo dư nợ thực tế.

Trong quá trình vay, anh T, chị N đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc: 9.743.754 đồng, nợ lãi: 9.296.385 đồng. Từ ngày 13/02/2021 anh T, chị N ngưng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/02/2022 anh T, chị N còn nợ Ngân hàng đối với hợp đồng này là 71.269.153 đồng, trong đó nợ gốc: 60.256.246 đồng, nợ lãi: 11.012.907 đồng (lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 11.012.907 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị N thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số HDTD93020180444 và hợp đồng tín dụng số HDTD930202000134, tạm tính đến ngày 25/02/2022 với tổng số tiền 191.628.613 đồng. Yêu cầu anh T thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số HDTD930202000063, tạm tính đến ngày 25/02/2022 bằng số tiền 4.878.048 đồng. Thanh toán lãi phát sinh của 03 hợp đồng trên từ ngày 26/02/2022 cho đến khi anh T, chị N thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh Phạm Thanh T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Thanh T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh T.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2021, Ngân hàng khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số HDTD930202000063, ngày 15/01/2020, yêu cầu anh T và chị N cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng có thay đổi yêu cầu, cụ thể không yêu cầu chị N thanh toán nợ cho Ngân hàng, chỉ yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Ngân hàng thay đổi yêu cầu trên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc anh T, chị N thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số HDTD93020180444 và hợp đồng tín dụng số HDTD930202000134, tạm tính đến ngày 25/02/2022 với tổng số tiền 191.628.613 đồng. Yêu cầu anh T thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số HDTD930202000063, tạm tính đến ngày 25/02/2022 bằng số tiền 4.878.048 đồng. Thanh toán lãi phát sinh của 03 hợp đồng trên từ ngày 26/02/2022 cho đến khi anh T, chị N thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng số HDTD93020180444, ngày 28/6/2018 và hợp đồng tín dụng số HDTD930202000134, ngày 13/02/2020 đã thể hiện anh T, chị N cùng ký hợp đồng tín dụng để vay vốn của Ngân hàng. Tại phiên tòa, chị N xác định chị không có vay nợ và không có ký tên để vay nợ của Ngân hàng tại các hợp đồng tín dụng trên. Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về việc nếu chị N cho rằng không ký tên vào 02 hợp đồng tín dụng trên thì chị yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành giám định chữ ký để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng chị N xác định không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tại các hợp đồng tín dụng. Việc chị N cho rằng chị không ký tên vào hợp đồng tín dụng trên để vay nợ của Ngân hàng nhưng chị không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc này, trong khi đó, tại hợp đồng tín dụng trên thể hiện chị và anh T cùng vay nợ của Ngân hàng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận việc anh T và chị N có vay nợ của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD93020180444 và HDTD930202000134 là thực tế có xảy ra.

Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng, anh T, chị N được thiết lập trên tinh thần tự nguyện của hai bên và phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tuấn thanh toán đối với 02 hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 25/02/2022 với tổng số tiền 191.628.613 đồng và lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD930202000063, ngày 15/01/2020, việc Ngân hàng yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/02/2022 bằng số tiền 4.878.048 đồng, không yêu cầu chị N có trách nhiệm thanh toán nợ là có cơ sở, bởi lẽ hợp đồng tín dụng trên chỉ có anh T đứng ra vay nợ của Ngân hàng và trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Thanh T và chị Quách Ngọc N phải chịu án phí theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Buộc anh Phạm Thanh T, chị Quách Ngọc N thanh toán cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tạm tính đến ngày 25/02/2022 là 191.628.613 đồng

- Buộc anh Phạm Thanh T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tạm tính đến ngày 25/02/2022 là 4.878.048 đồng

- Anh Phạm Thanh T, chị Quách Ngọc N tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 theo mức lãi suất được ghi nhận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong nợ Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Thanh T, chị Quách Ngọc N phải chịu 9.581.000 đồng. Anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt không phải chịu án phí. Ngày 29/6/2021 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.554.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001225 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

